

TRƯỜNG THPT ÂU CƠ
TỔ TỰ NHIÊN
Họ và tên giáo viên: Trần Thị Lành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN
MÔN HỌC: TOÁN, LỚP 11
(Năm học 2023 - 2024)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân công dạy lớp: 11/1, 11/2, 11/3, 11/4, 11/5

2. Phân phối chương trình

Cả năm 35 tuần: 105 tiết	Học kỳ I: 18 tuần x 3 tiết = 54 tiết	Học kỳ II: 17 tuần x 3 tiết = 51 tiết
Chuyên đề lựa chọn: 35 tiết/năm học	HKI: Tuần 1 – 18: 8 tuần x 1 tiết = 18 tiết	HKII: Tuần 19 – 35: 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết

STT	Bài học	Số tiết		Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
		Tổng	Chi tiết			
1	Chương I. Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác Bài 1. Giá trị lượng giác của góc lượng giác	3	1, 2, 3	Tuần 1	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phấn trắng, phấn màu.	Phòng học
2	Bài 2. Công thức lượng giác	2	4,5	Tuần 2	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phấn, phấn trắng, phấn màu.	Phòng học
3		2	6	Tuần 2	- Máy chiếu.	

	Bài 3. Hàm số lượng giác		7	Tuần 3	- Phiếu học tập. - Bảng phụ, phần, phần trắng, phần màu.	-
4	Bài 4. Phương trình lượng giác cơ bản	2	8,9	Tuần 3	-	-
5	Bài tập cuối chương I	1	10	Tuần 4	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu. Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chương I.	Phòng học
6	Chương II. Dãy số. Cấp số cộng và cấp số nhân Bài 5. Dãy số	2	11,12	Tuần 4	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
7	Bài 6. Cấp số cộng	2	13,14	Tuần 5	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
8	Bài 7. Cấp số nhân	2	15 16	Tuần 5 Tuần 6	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	
9	Bài tập cuối chương II	1	17	Tuần 6	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chương II. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
10	Chương III. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu ghép nhóm Bài 8. Mẫu số liệu ghép nhóm	1	18	Tuần 6	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
11	Bài 9. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm	2	19,20	Tuần 7	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay.	Phòng học

					- Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	
12	Bài tập cuối chương III	1	21	Tuần 7	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chương III. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
13	Ôn tập giữa HK1	3	22,23	Tuần 8	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
14	Chương IV. Quan hệ song song trong không gian Bài 10. Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	1	24	Tuần 8	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
14	Kiểm tra giữa HK1	1	25	Tuần 9	- Đề kiểm tra giữa HK1. - Phiếu trả lời trắc nghiệm.	Phòng học
15	Bài 10. Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	2	26,27	Tuần 9	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
16	Bài 11. Hai đường thẳng song song	3	28,29,30	Tuần 10	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
17	Bài 12. Đường thẳng song song với mặt phẳng	2	31,32	Tuần 11	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra.	Phòng học



					- Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	
18	Bài 13. Hai mặt phẳng song song	4	33	Tuần 11	- Máy chiếu.	Phòng học
			34,35,36	Tuần 12	- Phiếu học tập.	
					- Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	
19	Bài 14. Phép chiếu song song	2	37,38	Tuần 13	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
20	Bài tập cuối chương IV	1	39	Tuần 13	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chương IV. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
21	Chương V. Giới hạn. Hàm số liên tục Bài 15. Giới hạn của dãy số	2	40,41	Tuần 14	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
22	Bài 16. Giới hạn của hàm số	2	42	Tuần 14	- Máy chiếu.	Phòng học
			43	Tuần 15	- Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	
23	Bài 17. Hàm số liên tục	2	44,45	Tuần 15	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
24	Bài tập cuối chương V	1	46	Tuần 16	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chương V. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học

25	Hoạt động thực hành trải nghiệm Một vài áp dụng của Toán học trong tài chính	2	47,48	Tuần 16	- Máy chiếu. - Máy tính cầm tay. - Tranh ảnh, hình vẽ sử dụng trong bài. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
26	Lực căng mặt ngoài của nước	2	49,50	Tuần 17	- Máy chiếu. - Máy tính cầm tay. - Phiếu khảo sát. - Tranh ảnh, hình vẽ sử dụng trong bài.	Phòng học
27	Ôn tập cuối HKI	3	51	Tuần 17	- Máy chiếu. - Máy tính cầm tay.	Phòng học
			52,53	Tuần 18		
28	Kiểm tra cuối HKI	1	54	Tuần 18	- Đề kiểm tra cuối HKI. - Phiếu trả lời trắc nghiệm.	Phòng học
29	Chương VI. Hàm số mũ và hàm số lôgarit Bài 18. Lũy thừa với số mũ thực	2	55, 56	Tuần 19	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ sử dụng trong bài. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
30	Bài 19. Lôgarit	2	57	Tuần 19	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ sử dụng trong bài. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			58	Tuần 20		
31	Bài 20. Hàm số mũ và hàm số lôgarit	1	59	Tuần 20	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ sử dụng trong bài. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
32	Bài 21. Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit	2	60	Tuần 20	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			61	Tuần 21		
33	Bài tập cuối chương VI	1	62	Tuần 21	- Máy chiếu. - Phiếu học tập.	Phòng học

					- Máy tính cầm tay. - Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chương VI. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	
34	Chương VII. Quan hệ vuông góc trong không gian Bài 22. Hai đường thẳng vuông góc	2	63	Tuần 21	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			64	Tuần 22		
35	Bài 23. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	3	65,66	Tuần 22	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			67	Tuần 23		
36	Bài 24. Phép chiếu vuông góc	2	68,69	Tuần 23	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
37	Bài 25. Hai mặt phẳng vuông góc	4	70,71,72	Tuần 24	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			73	Tuần 25		
38	Bài 26. Khoảng cách	3	74,75	Tuần 25	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			76	Tuần 26		
39	Bài 27. Thể tích	2	77,78	Tuần 26	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra.	Phòng học

					- Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	
40	Bài tập cuối chương VII	1	79	Tuần 27	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chương VII. - Máy tính cài phần mềm Sketchpad, phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
41	Ôn tập giữa kì II	2	80, 81	Tuần 27	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay.	Phòng học
42	Kiểm tra giữa kì II	1	82	Tuần 28	- Đề kiểm tra giữa HKII. Phiếu trả lời trắc nghiệm.	Phòng học
43	Chương VIII. Các quy tắc tính xác suất Bài 28. Biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập	3	83, 84	Tuần 28	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			85	Tuần 29		
44	Bài 29. Công thức cộng	3	86,87	Tuần 29	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			88	Tuần 30		
45	Bài 30. Công thức nhân cho hai biến cố độc lập	2	89,90	Tuần 30	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
46	Bài tập cuối chương VIII	1	91	Tuần 31	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chương VIII. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
47	Chương IX. Đạo hàm Bài 31. Định nghĩa	2	92,93	Tuần 31	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học

	và ý nghĩa đạo hàm					
48	Bài 32. Các quy tắc tính đạo hàm	2	94,95	Tuần 32	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
49	Bài 33. Đạo hàm cấp 2	2	96	Tuần 32	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	
			97	Tuần 33		
50	Bài tập cuối chương IX	1	98	Tuần 33	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. Máy tính cầm tay. - Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chương IX. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
51	Hoạt động thực hành trải nghiệm Một số mô hình toán học sử dụng hàm số mũ và hàm số lôgarit	1	99	Tuần 33	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học, sân trường
52	Hoạt động thực hành trải nghiệm hình học	2	100,101	Tuần 34	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
53	Ôn tập cuối HKII	3	102	Tuần 34	- Máy chiếu.	
			103,104	Tuần 35	- Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay.	Phòng học
54	Kiểm tra cuối HKII	1	105	Tuần 35	- Đề kiểm tra cuối HKII. - Phiếu trả lời trắc nghiệm.	Phòng học

3. Phân phối chương trình chuyên đề Toán 11:

- Tuần 1 đến tuần 32: 1tiết/1 tuần.
- Tuần 33 đến tuần 35: Ôn tập và kiểm tra

STT	Bài học	Số tiết		Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
		Tổng	Chi tiết			
1	Chuyên đề 1: Phép biến hình trong mặt phẳng Bài 1. Phép biến hình	2	1	Tuần 1	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			2	Tuần 2		
2	Bài 2. Phép tịnh tiến	2	3	Tuần 3	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			4	Tuần 4		
3	Bài 3. Phép đối xứng trục	2	5	Tuần 5	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Tranh ảnh, hình vẽ, đồ thị sử dụng trong bài. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			6	Tuần 6		
4	Bài 4. Phép quay và phép đối xứng tâm	2	7	Tuần 7	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			8	Tuần 8		
5	Bài 5. Phép dời hình	1	9	Tuần 9	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
6	Bài 6. Phép vị tự	2	10	Tuần 10	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Thước kẻ, máy tính.	Phòng học

			11	Tuần 11	- Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	
7	Bài 7. Phép đồng dạng	1	12	Tuần 12	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Thước kẻ, máy tính. - Máy tính có cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
8	Bài tập cuối chuyên đề 1	1	13	Tuần 13	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Thước kẻ, máy tính. - Máy tính có cài phần mềm GeoGebra. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu. - Sơ đồ tư duy tổng kết nội dung chuyên đề 1.	Phòng học
9	Bài 8. Một vài khái niệm cơ bản	3	14	Tuần 14	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			15	Tuần 15		
			16	Tuần 16		
10	Bài 9. Đường đi Euler và đường đi Hamilton	3	17	Tuần 17	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Máy tính cầm tay. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			18	Tuần 18		
			19	Tuần 19		
11	Bài 10. Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản	3	20	Tuần 20	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			21	Tuần 21		
			22	Tuần 22		
12	Bài tập cuối chuyên đề 2	2	23	Tuần 23	- Máy chiếu. - Phiếu học tập.	Phòng học

			24	Tuần 24	- Thước kẻ, máy tính. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu. - Sơ đồ tư duy tổng kết nội dung chuyên đề 2.	
13	Bài 11. Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo	4	25	Tuần 25	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			26	Tuần 26		
			27	Tuần 27		
			28	Tuần 28		
14	Bài 12. Bản vẽ kỹ thuật	3	29	Tuần 29	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
			30	Tuần 30		
			31	Tuần 31		
15	Bài tập cuối chuyên đề 3	1	32	Tuần 32	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chuyên đề 3. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu.	Phòng học
16	Ôn tập và kiểm tra	3	33	Tuần 33	- Máy chiếu. - Phiếu học tập. - Bảng phụ, phần trắng, phần màu. - Nội dung ôn tập và đề kiểm tra tại lớp.	Phòng học
			34	Tuần 34		
			35	Tuần 35		

II. Nhiệm vụ khác:

1. Chủ nhiệm lớp 10/3:

- Sĩ số 36 học sinh. Đảm bảo duy trì sĩ số học sinh đến cuối năm học.
- Hoàn thành tốt công tác chủ nhiệm, các loại hồ sơ chủ nhiệm theo quy định.
- Quan tâm, theo dõi tình hình nề nếp và học tập của lớp để có biện pháp quản lý hiệu quả.

2. Sinh hoạt tổ - nhóm chuyên môn:

- Sinh hoạt tổ chuyên môn định kỳ 2 tuần/ 1 lần.
- Tăng cường việc sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

3. Chấm trả bài, cho điểm, vào sổ điểm:

- Thực hiện đúng quy chế trong việc kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, ra đề, chấm, trả bài, cho điểm. Bảo đảm đúng tính khách quan, công bằng và chính xác. Lưu bài kiểm tra giữa kỳ của HS 1 năm tại văn phòng, lưu bài kiểm tra cuối kỳ tại văn phòng Nhà trường.
- Cập nhật điểm hàng tháng. Điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm danh học sinh lớp chủ nhiệm cập nhật vào vnedu.vn sau khi kiểm tra 2 tuần. Đảm bảo đủ cột điểm quy định (4 cột ktra thường xuyên - HS1, 1 cột kiểm tra giữa kỳ - HS2, 1 cột kiểm tra cuối kỳ - HS3).
- Sau khi kiểm tra đều có thống kê từng lớp, từng khối và toàn trường, nhận xét, rút kinh nghiệm.
- Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với học sinh bằng các hình thức: hỏi - đáp, viết; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kĩ thuật, báo cáo kết quả thực hành; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

4. Ra đề kiểm tra giữa kỳ, cuối học kỳ:

- Xây dựng ma trận đề theo chuẩn của Bộ GD-ĐT và bám sát chuẩn kiến thức - kỹ năng, nội dung tinh giản.
- * Kiểm tra giữa kỳ:
 - + HKI: Tuần 9; HKII: Tuần 27.
 - + Thời lượng: 60 phút.
 - + Khối 10: Kết hợp TN và TL (Tỷ lệ 5 điểm trắc nghiệm, 5 điểm tự luận).
 - + Khối 11: Kết hợp TN và TL (Tỷ lệ 5 điểm trắc nghiệm, 5 điểm tự luận).
 - + Khối 12: 100% TN
- * Kiểm tra cuối kỳ
 - + HKI: Tuần 18; HKII: Tuần 35.
 - + Thời lượng: 60 phút.
 - + Khối 10: Theo kế hoạch của nhà trường.
 - + Khối 11: Theo kế hoạch của nhà trường.
 - + Khối 12: Theo kế hoạch của nhà trường.
- Ra đề đảm bảo tính chính xác, bảo mật, nộp đúng thời gian.
- Đảm bảo 70% trên trung bình, không dưới 3% Giỏi, không quá 6% yếu kém.

TỔ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Nhân



HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Nghĩa

Đông Giang, ngày 05 tháng 09 năm 2023

GIÁO VIÊN



Trần Thị Lành